

Số: /TTr-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách đối với cộng tác viên làm công tác dân số
tại thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Thường trực HĐND tỉnh Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách đối với cộng tác viên làm công tác dân số tại thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 Nghị quyết Hội nghị lần thứ Sáu của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác Dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Kết luận số 149-KL/TW ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Pháp lệnh dân số 06/2003/PL-UBTVQH ngày 09/01/2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 07/2025/UBTVQH15 ngày 03/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi bổ sung Điều 10 của pháp lệnh dân số;

Căn cứ Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 16/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh dân số;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 1 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định phê duyệt chiến lược Dân số đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/1/2021 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 02/7/2025 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Sở Y tế Đắk Lắk.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 202/2025/QH15, tỉnh Đắk Lắk có diện tích tự nhiên 18.096,40 km², gồm 102 đơn vị hành chính cấp xã (88 xã và 14 phường), quy mô dân số đạt 3.346.853 người.

Trong những năm qua, công tác dân số trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, duy trì mức sinh hợp lý, giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Trong đó, đội ngũ cộng tác viên dân số tại thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đưa chính sách dân số – kế hoạch hóa gia đình đến từng hộ gia đình, từng người dân.

Cộng tác viên dân số là lực lượng trực tiếp triển khai các hoạt động tại cơ sở, thực hiện tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin, tư vấn về dân số và phát triển, chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình, phòng chống mất cân bằng giới tính khi sinh, truyền thông chuyển đổi hành vi và hỗ trợ cập nhật biến động dân số tại cộng đồng. Công việc này đòi hỏi thường xuyên bám sát địa bàn, nắm bắt hoàn cảnh từng hộ, đối tượng và thực hiện tiếp cận cá nhân theo phương thức “đi từng ngõ, gõ từng nhà”.

Tuy nhiên, mức bồi dưỡng cho cộng tác viên dân số hiện nay quá thấp; đồng thời mức chi bồi dưỡng hằng tháng đang thực hiện khác nhau, chưa thống nhất trong toàn tỉnh Đắk Lắk (Nghị quyết số 11/2009/NQ-HĐND ngày 10/7/2009 của HĐND tỉnh Đắk Lắk cũ về việc điều chỉnh một số chế độ, chính sách đối với công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình xã vùng III với mức 150.000 đồng/tháng, xã còn lại với mức 100.000 đồng/tháng; Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Phú Yên quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số xã vùng III với mức 200.000 đồng/tháng, xã còn lại với mức 150.000 đồng/tháng) chưa tương xứng với nhiệm vụ công việc, dẫn đến khó khăn trong việc duy trì, phát huy hiệu quả hoạt động.

Trong khi đó, Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 (ban hành kèm theo Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ) đã xác định rõ: *“Củng cố và phát triển mạng lưới cộng tác viên dân số cơ sở, đảm bảo nguồn lực thực hiện công tác dân số trong tình hình mới”*. Do đó, việc ban hành Nghị quyết mới của HĐND tỉnh quy định mức bồi dưỡng cho cộng tác viên dân số tại thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường để áp dụng chung trên địa bàn tỉnh sau khi sáp nhập, đồng thời với việc bãi bỏ Nghị quyết số 40/2006/NQ-HĐND và

Nghị quyết số 11/2009/NQ-HĐND theo Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 25/2/2025 của UBND tỉnh về công bố kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh liên quan đến lĩnh vực đầu tư, ngân sách nhà nước, thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 và thay thế Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Phú Yên (cũ) và bãi bỏ Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Phú Yên Ban hành Quy định về xét chọn, hợp đồng trách nhiệm đối với công tác viên dân số thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên (cũ) là cần thiết và có cơ sở nhằm đảm bảo hệ thống văn bản của tỉnh Đắk Lắk (mới) được thống nhất, thông suốt hiệu quả và đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác dân số trong giai đoạn hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh; bảo đảm duy trì, củng cố và phát huy vai trò của đội ngũ công tác viên dân số ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.
- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác truyền thông, tư vấn, cung cấp dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, góp phần ổn định quy mô, cơ cấu và nâng cao chất lượng dân số.
- Động viên, khuyến khích công tác viên dân số thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, gắn bó lâu dài với địa bàn dân cư, đặc biệt là các khu vực khó khăn, vùng, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Quan điểm

- Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành điều chỉnh mức chi bồi dưỡng bảo đảm đối với công tác viên dân số trực tiếp làm nhiệm vụ theo Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế trên địa bàn tỉnh.
- Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; trình tự, thủ tục xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025 và các quy định pháp luật khác có liên quan, Sở Y tế đã chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết Quy định Chính sách đối với công tác viên làm công tác dân số tại thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương xây dựng Nghị quyết nói trên theo Công văn số 277/HĐND-VP ngày 11/9/2025 về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết theo Tờ trình số 051/TTr-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh

Thực hiện Công văn số 277/HĐND-VP ngày 11/9/2025 của HĐND tỉnh; UBND tỉnh đã phân công Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương tham mưu xây dựng Dự thảo Nghị quyết quy định Chính sách đối với cộng tác viên làm công tác dân số tại thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đảm bảo hồ sơ, trình tự, thủ tục quy định để trình HĐND tỉnh trong Quý IV năm 2025 tại Công văn số 04112/UBND-KGVX ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh.

Căn cứ cơ sở pháp lý và tình hình, điều kiện nguồn lực thực tế của tỉnh, Sở Y tế đã xây dựng dự thảo Nghị quyết và ngày .../.../2025, Sở Y tế có Công văn số .../SYT-DS về việc đề nghị góp ý dự thảo Nghị quyết Quy định Chính sách đối với cộng tác viên làm công tác dân số tại thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk gửi Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh và các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; đồng thời gửi Trung tâm Công nghệ và Cổng thông tin điện tử tỉnh đăng tải dự thảo để các cơ quan, tổ chức, cá nhân và Nhân dân tham gia ý kiến.

Trên cơ sở ý kiến của các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương có liên quan, Sở Y tế tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội và hoàn chỉnh hồ sơ Dự thảo Nghị quyết. Đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý trên trang thông tin điện tử của đơn vị và đồng thời có Công văn số .../SYT-DS ngày ... gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định. Ngày.../.../2025, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-STP về thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định Chính sách đối với cộng tác viên làm công tác dân số tại thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Sau khi tiếp thu, giải trình các ý kiến tại Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Y tế hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết và có Tờ trình số .../TTr-SYT ngày .../.../2025 trình UBND tỉnh.

Qua xem xét dự thảo Nghị quyết kèm hồ sơ của Sở Y tế, UBND tỉnh thống nhất trình HĐND tỉnh thông qua.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm có 4 điều

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Quy định về số lượng, mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Điều 4. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản

Dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách đối với cộng tác viên làm công tác dân số tại thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách đối với cộng tác viên làm công tác dân số tại thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cộng tác viên dân số tại thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chi trả bồi dưỡng cho cộng tác viên dân số theo quy định.

Điều 2. Quy định về số lượng, mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số

1. Định mức số lượng: Mỗi thôn, tổ dân phố có 01 cộng tác viên dân số

2. Mức chi bồi dưỡng hằng tháng:

a) Cộng tác viên dân số tại các xã khu vực III; các thôn đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I, khu vực II: 1.000.000 đồng/người/tháng.

b) Cộng tác viên dân số tại các địa bàn còn lại: 700.000 đồng/người/tháng.

3. Nguồn kinh phí thực hiện được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khoá ..., Kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng.... năm 2025.

2. Thay thế Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng hằng tháng đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Phú yên (cũ)

3. Bãi bỏ Nghị quyết số 40/2006/NQ-HĐND ngày 11/10/2006 của HĐND tỉnh Đắk Lắk Quy định một số chế độ chính sách đối với công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình tỉnh Đắk Lắk (cũ); Nghị quyết số 11/2009/NQ-HĐND ngày 10/7/2009 của HĐND tỉnh Đắk Lắk điều chỉnh một số chế độ, chính sách đối với công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh Đắk Lắk (cũ);

4. Bãi bỏ Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Phú Yên Ban hành Quy định về xét chọn, hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú yên (cũ).

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

a) Định mức số lượng: Mỗi thôn, Tổ dân phố có 01 cộng tác viên dân số

- Tại xã khu vực III có 2.097 thôn tương đương 2.097 cộng tác viên dân số thôn:

$2.097 \text{ người} \times 1.000.000 \text{ đồng/người/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 26.164.000.000 \text{ đồng}$

- Tại xã Khu vực I và II có 704 thôn, tổ dân phố tương đương 704 cộng tác viên dân số thôn, tổ dân phố:

$704 \text{ người} \times 700.000 \text{ đồng/người/tháng} \times 12 \text{ tháng} = 5.913.000.000 \text{ đồng}$

b) Tổng kinh phí mức bồi dưỡng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk dự kiến: 32.077.000.000 đồng/năm.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết khi được thông qua

- UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này

- Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Thời gian trình thông qua Nghị quyết

Dự kiến trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp HĐND tỉnh trong Quý IV năm 2025, sau khi đảm bảo hồ sơ theo quy định.

Trên đây là Tờ trình của UBND tỉnh Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định chính sách cộng tác viên dân số tại thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; (2) Dự thảo Báo cáo số...../BC-SYT ngày.../.../2025 của Sở Y tế đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo Nghị quyết; (3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết (4) Bản tổng hợp ý kiến góp ý các Sở, ban, ngành và các cơ

*quan, đơn vị có liên quan chịu sự tác động trực tiếp của Dự thảo Nghị quyết; (5)
Báo cáo thẩm định số/BCTĐ-STP ngày .../.../2025 của Sở Tư pháp)*

Nơi nhận:

- Như trên (để trình);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tư pháp, Tài chính, Nội vụ;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Phòng TH;
- Lưu: VT, KGVX ()

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn